TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **48**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2017
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Kha
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Quy.
Ông Lê Xuân Nghĩa.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện Định Quán, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 259/2017/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**- sinh năm 1972, "có mặt"
HKTT: KDC 7, ấp 2, xã Phú Hoà, huyện Định Quán, Đồng Nai.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức D**- sinh năm 1970, "vắng mặt"
HKTT: KDC 7, ấp 2, xã Phú Hoà, huyện Định Quán, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức D tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng đến năm 1996 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/02/1996. Quá trình chung sống thì vợ chồng chị không thực sự hạnh phúc. Vì từ ngày kết hôn đến

nay anh D luôn có cách sống gia trưởng, độc đoán, nhiều lần mượn rượu xúc phạm chị và thậm chí còn đánh chị. Chị đã cam chịu vì con cái nhưng cho đến năm 2015 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh D đánh và nhốt chị trong nhà cho đến khi công an xã phải can thiệp. Cuộc sống của chị rất khổ sở vì anh D khó khăn và bạo hành gia đình. Vào tháng 02/2017, anh D tiếp tục đánh chị nên vợ chồng anh chị sống ly thân khoảng 15 ngày. Từ ngày 05/5/2017 (âm lịch) đến ngày 12/5/2017 (âm lịch) anh D đã đánh và đuổi chị ba lần nên từ đầu tháng 6/2017 vợ chồng anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, vợ chồng chị không còn quan tâm chăm sóc nhau, anh D thường xúc phạm danh dự, nhân phẩm, đe dọa tính mạng của chị nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung tên là Nguyễn Đức Sang-sinh ngày 02/8/1996, Nguyễn Đức Trọng- sinh ngày 18/6/2000 và Nguyễn Minh Tú- sinh ngày 22/02/2006. Hiện nay 01con chung là Nguyễn Đức Sang đã thành niên, có khả năng lao động, phát triển bình thương nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 con chung chưa thành niên Nguyễn Đức Trọng và Nguyễn Minh Tú sau khi ly hôn và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại phiên tòa hôm nay chị xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con. Chị đồng giao 02 con chung là Nguyễn Đức Trọng và Nguyễn Minh Tú cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn anh Nguyễn Đức D trình bày ý kiến tại biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2017 như sau:

Anh và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hòa vào năm 1996, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn cách đây khoảng 3-4 tháng. Nguyên nhân là do chị T đi làm thuê đã học tập theo những tính xấu về nhà nói anh không ra gì. Mặt khác chị cũng không minh bạch trong tài chính gia đình nên anh có đánh chị T và chị T đã bỏ đi. Khi chị T trở về nhà anh có hỏi thì chị T nói đi với ông Ba Tàu nên anh tức giận có đánh chị T và nhốt vào phòng. Sau đó chị T đã bỏ nhà đi ở riêng cho đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn vợ chồng mỗi người một nơi, con cái thiếu cha thiếu mẹ. Tòa án cứ giải quyết theo pháp luật vì anh không có thời gian đến Tòa.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung như chị T đã trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung chưa thành niên cho chị T nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm, phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các nguyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị T và anh D là hợp pháp. Vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và cho đến nay chị T và anh D đã sống ly thân. Căn cứ Điều 19, 56 Luật Hôn nhân gia đình thì mục đích hôn nhân của vợ chồng chị T anh D đã không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T cho chị T được ly hôn với anh Dg.

Về con chung: Chị T và anh D có 03 con chung trong đó có 01 con chung là Nguyễn Đức Sang- sinh ngày 02/8/1996 đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Còn lại 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Đức Trọng- sinh ngày 18/6/2000 và Nguyễn Minh Tú- sinh ngày 22/02/2006 hiện có nguyện vọng muốn được ở với anh Dg. Tại phiên tòa hôm nay chị T cũng thay đổi yêu cầu về việc nuôi con. Chị cũng đồng ý giao 02 con chung chưa thành niên cho anh D nuôi dưỡng là để đảm bảo cho cuộc sống của các con được ổn định vì hiện nay các con đều đang ở với anh D còn chị thì đang ở trọ đi làm thuê. Vì vậy đề nghị giao 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Đức Trọng- sinh ngày 18/6/2000 và Nguyễn Minh Tú- sinh ngày 22/02/2006 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con xét thấy tại phiên tòa hôm nay chị T có ý kiến là chị không cấp dưỡng nuôi con vì toàn bộ tài sản chung của vợ chồng anh D đang quản lý hết. Chị T hiện nay đi ở trọ làm thuê thu nhập chủ đủ trang trải cuộc sống của bản thân. Vì vậy tạm thời miễn cho chị T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh D chị T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy

định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết. Những kiến nghị là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức Dg đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức D có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hòa và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/02/1996. Như vậy hôn nhân của anh D và chị T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng chị T và anh D đã có nhiều mâu thuẫn làm cho gia đình mất đi hạnh phúc. Anh D cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã, xô xát lẫn nhau. Nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh không muốn vợ chồng mỗi người một nơi, con cái thiếu cha thiếu mẹ. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy đời sống chung vợ chồng chị T và anh D đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở. Hơn nữa trong suốt quá trình tố tụng của vụ án anh D vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các đương sự được. Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Cho chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức D có 03 con chung trong đó có 01 con chung là Nguyễn Đức Sang- sinh ngày 02/8/1996 đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết. Còn lại 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Đức Trọng- sinh ngày 18/6/2000 và Nguyễn Minh Tú- sinh ngày 22/02/2006. Chị T đồng ý giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Việc giao con chung cho một bên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của người con. Xét thấy con chung chưa thành niên của anh D chị T đang được anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Anh D có nơi ở và có nghề nghiệp ổn định. Nguyện vọng của 02 con chung cũng muốn được ở với bố. Xét ý kiến của chị T là hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Vì vậy chấp nhận giao 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Đức Trọng- sinh ngày 18/6/2000 và Nguyễn Minh Tú- sinh ngày 22/02/2006 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Tạm thời miễn cho chị T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh D chị T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 28; Điều 68; điểm b, khoản 2, Điều 227; Điều 220, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1)- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức D.

2)- Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức D có 03 con chung trong đó có 01 con chung là Nguyễn Đức Sang- sinh ngày 02/8/1996 đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Đức Trọng- sinh ngày 18/6/2000 và Nguyễn Minh Tú- sinh ngày 22/02/2006 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Tạm thời miễn cho chị T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh D chị T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3)- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4)- Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5)- Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 28/6/2017 theo biên lai số 004275 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Định Quán;
-Chi cục THADS H. Định Quán;
-UBND xã Phú Hòa, H. Định Quán;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TRỊNH THỊ KHA